

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI

Nội dung công việc: Tham gia cổ vũ Hội diễn văn nghệ STU năm 2025

Thời gian thực hiện: Ngày 19/12/2025

Địa điểm: Hội trường B

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
1	DH11903451	Huỳnh Lập Đức	D19_CDT01	Cơ khí	0.5
2	DH12006323	Nguyễn Bá Phúc	D20_CDTU01	Cơ khí	0.5
3	DH12105928	Lâm Gia Lạc	D21_ROAI01	Cơ khí	0.5
4	DH12200012	Trần Xuân Đạt	D22_CDTU01	Cơ khí	0.5
5	DH12200017	Nguyễn Linh Dương	D22_CDTU01	Cơ khí	0.5
6	DH12200037	Ngô Thanh Hữu	D22_CDTU01	Cơ khí	0.5
7	DH12200063	Lê Minh Nhật	D22_CDTU01	Cơ khí	0.5
8	DH12200064	Võ Minh Nhật	D22_CDTU01	Cơ khí	0.5
9	DH12200082	Hoàng Huy Quang	D22_CDTU01	Cơ khí	0.5
10	DH12200031	Nguyễn Phi Hoàng	D22_ROAI01	Cơ khí	0.5
11	DH12200035	Bùi Trần Tuấn Hưng	D22_ROAI01	Cơ khí	0.5
12	DH12203680	Huỳnh Gia Huy	D22_ROAI01	Cơ khí	0.5
13	DH12200062	Huỳnh Minh Nhật	D22_ROAI01	Cơ khí	0.5
14	DH12400937	Trần Thiên An	D24_CDT01	Cơ khí	0.5
15	DH12400958	Phạm Huy Hoàng	D24_CDT01	Cơ khí	0.5
16	DH01250020	Hoàng Thiên Ân	D25_CDT01	Cơ khí	0.5
17	DH01250423	Đỗ Văn Hoàng	D25_CDT01	Cơ khí	0.5
18	DH01250420	Lê Gia Hoàng	D25_CDT01	Cơ khí	0.5
19	DH01250472	Huỳnh Ngọc Gia Huy	D25_CDT01	Cơ khí	0.5
20	DH01250485	Nguyễn Trọng Huy	D25_CDT01	Cơ khí	0.5
21	DH01250865	Phạm Huỳnh Thế Ngọc	D25_CDT01	Cơ khí	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
22	DH01251151	Trần Tấn Sang	D25_CDT01	Cơ khí	0.5
23	DH01251320	Nguyễn Đức Thịnh	D25_CDT01	Cơ khí	0.5
24	DH01251405	Trần Nguyễn Tân Tiến	D25_CDT01	Cơ khí	0.5
25	DH01250373	Phạm Đình Hiên	D25_CDT02	Cơ khí	0.5
26	DH01252571	Lê Thanh Tú	D25_CDT02	Cơ khí	0.5
27	DH01251622	Đặng Phú Vinh	D25_CDT02	Cơ khí	0.5
28	DH10250002	Nguyễn Ngọc Quốc An	D25_COKHI02	Cơ khí	0.5
29	DH10250522	Đặng Hoàng Huy	D25_COKHI02	Cơ khí	0.5
30	DH10250569	Hà Minh Khang	D25_COKHI02	Cơ khí	0.5
31	DH10251148	Phùng Nguyễn Phước Sang	D25_COKHI02	Cơ khí	0.5
32	DH10251310	Đặng Đức Thịnh	D25_COKHI02	Cơ khí	0.5
33	DH10251354	Bùi Hữu Thuận	D25_COKHI02	Cơ khí	0.5
34	DH10251566	Huỳnh Thanh Tùng	D25_COKHI02	Cơ khí	0.5
35	DH51800156	Nguyễn Lưu Đức Tài	D18_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
36	DH51803052	Chung Xuân Thịnh	D18_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
37	DH51904163	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	D19_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
38	DH51902909	Trần Quang Trường	D19_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
39	DH51905103	Nguyễn Minh Nhật	D19_TH07	Công nghệ thông tin	0.5
40	DH52002316	Nguyễn Kiều Linh	D20_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
41	DH52000660	Nguyễn Thị Kim Thoa	D20_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
42	DH52003583	Bùi Thành Nhân	D20_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
43	DH52003935	Phạm Châu Phú	D20_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
44	DH52003384	Trần Thế Quốc Bảo	D20_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
45	DH52004980	Hoàng Nguyễn Minh Thiện	D20_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
46	DH52004106	Châu Gia Trọng	D20_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
47	DH52005906	Nguyễn Đăng Khoa	D20_TH10	Công nghệ thông tin	0.5
48	DH52006188	Lê Nguyễn Trường Thịnh	D20_TH10	Công nghệ thông tin	0.5
49	DH52006207	Huỳnh Hồng Thuyên	D20_TH10	Công nghệ thông tin	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
50	DH52407715	Trần Văn Hoàng	D21_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
51	DH52105342	Trần Nguyễn Minh Quân	D21_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
52	DH52111885	Nguyễn Đức Tiến	D21_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
53	DH52105057	Lê Thị Mỹ Trinh	D21_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
54	DH52107801	Nguyễn Thanh Vân	D21_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
55	DH52110891	Nguyễn Hoàng Hiệp	D21_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
56	DH52111204	Trương Văn Liêu	D21_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
57	DH52113345	Lữ Mai Phương	D21_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
58	DH52110805	Nguyễn Ái Thiêm Định	D21_TH09	Công nghệ thông tin	0.5
59	DH52111083	Trần Mai Huy Khải	D21_TH09	Công nghệ thông tin	0.5
60	DH52111532	Lưu Phạm Hồng Phúc	D21_TH10	Công nghệ thông tin	0.5
61	DH52111554	Phạm Hoàng Phúc	D21_TH10	Công nghệ thông tin	0.5
62	DH52004099	Trương Minh Phúc	D21_TH10	Công nghệ thông tin	0.5
63	DH52111685	Nguyễn Đức Tài	D21_TH10	Công nghệ thông tin	0.5
64	DH52111699	Thái Nguyễn Thành Tài	D21_TH10	Công nghệ thông tin	0.5
65	DH52110775	Nguyễn Thành Đạt	D21_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
66	DH52110716	Phạm Tấn Duy	D21_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
67	DH52111119	Phan Thế Khánh	D21_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
68	DH52112944	Lê Đoàn Anh Quân	D21_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
69	DH52111695	Nguyễn Văn Tài	D21_TH13	Công nghệ thông tin	0.5
70	DH52111968	Phạm Thành Trung	D21_TH13	Công nghệ thông tin	0.5
71	DH52111976	Nguyễn Minh Trường	D21_TH13	Công nghệ thông tin	0.5
72	DH52200505	Ngô Huế Đình	D22_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
73	DH52200741	Nguyễn Thế Hưng	D22_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
74	DH52201098	Nguyễn Hữu Nghĩa	D22_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
75	DH52201297	Tôn Minh Quân	D22_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
76	DH52201358	Nguyễn Phúc Sang	D22_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
77	DH52200508	Trần Đình Định	D22_TH02	Công nghệ thông tin	0.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
78	DH52200618	Nguyễn Hoàng	Hải	D22_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
79	DH52200670	Bành Kim	Hiếu	D22_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
80	DH52200945	Lê Phạm Tuấn	Kiệt	D22_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
81	DH52111440	Huỳnh	Nhu	D22_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
82	DH52201789	Nguyễn Châu Triệu	Vỹ	D22_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
83	DH52200815	Nguyễn Văn	Huyền	D22_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
84	DH52200536	Nguyễn Quang	Dũng	D22_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
85	DH52201379	Võ Văn	Sỹ	D22_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
86	DH52200380	Trương Hoàng Gia	Bảo	D22_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
87	DH52200547	Lưu Thanh	Dương	D22_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
88	DH52200641	Trần Anh	Hào	D22_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
89	DH52200834	Hồ Bảo	Khang	D22_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
90	DH52200883	Phạm Thế	Khánh	D22_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
91	DH52200944	Dương Tuấn	Kiệt	D22_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
92	DH52200991	Bùi Đỗ Phúc	Lộc	D22_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
93	DH52201038	Bùi Duy	Luận	D22_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
94	DH52201212	Nguyễn Trung	Phong	D22_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
95	DH52201247	Nguyễn Phạm Thiên	Phúc	D22_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
96	DH52200313	Trần Hoài	An	D22_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
97	DH52200451	Nguyễn Công	Danh	D22_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
98	DH52200588	Trần Khánh	Duy	D22_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
99	DH52200710	Nguyễn	Hoàng	D22_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
100	DH52200794	Phạm Nguyễn Nhật	Huy	D22_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
101	DH52200884	Trần Diệp Đồng	Khánh	D22_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
102	DH52200990	Nguyễn Mai	Lĩnh	D22_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
103	DH52201162	Nguyễn Khắc	Nhu	D22_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
104	DH52201223	Nguyễn Thanh	Phú	D22_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
105	DH52201514	Lê Trần Minh	Thông	D22_TH06	Công nghệ thông tin	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
106	DH52201259	Trần Trọng Phúc	D22_TH07	Công nghệ thông tin	0.5
107	DH52200337	Tổng Thị Bảo Anh	D22_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
108	DH52200405	Nguyễn Ngọc Châu	D22_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
109	DH52200425	Nông Hoàng Mạnh Cường	D22_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
110	DH52201279	Phạm Uyên Phương	D22_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
111	DH52201784	Nguyễn Thảo Vy	D22_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
112	DH52200577	Nguyễn Tuấn Duy	D22_TH09	Công nghệ thông tin	0.5
113	DH52201209	Lê Ngọc Phong	D22_TH09	Công nghệ thông tin	0.5
114	DH52200308	Nguyễn Văn An	D22_TH10	Công nghệ thông tin	0.5
115	DH52201333	Phạm Thiên Phú Quý	D22_TH10	Công nghệ thông tin	0.5
116	DH52201378	Phạm Hữu Sum	D22_TH10	Công nghệ thông tin	0.5
117	DH52201776	Nguyễn Long Vũ	D22_TH10	Công nghệ thông tin	0.5
118	DH52200743	Phạm Quốc Hưng	D22_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
119	DH52201069	Khương Thị Trúc My	D22_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
120	DH52200565	Nguyễn Bảo Duy	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
121	DH52200620	Trần Đức Hải	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
122	DH52200720	Trần Huy Hoàng	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
123	DH52200906	Nguyễn Anh Khoa	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
124	DH52201009	Đặng Phước Long	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
125	DH52201157	Lương Tuệ Nhi	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
126	DH52201187	Nguyễn Huỳnh Đại Phát	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
127	DH52201246	Nguyễn Minh Phúc	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
128	DH52201382	Lê Thành Tài	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
129	DH52201415	Nguyễn Ngọc Tấn	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
130	DH52201476	Trần Văn Thật	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
131	DH52201586	Đào Đức Toàn	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
132	DH52201630	Nguyễn Minh Trí	D22_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
133	DH52200406	Trần Ngọc Châu	D22_TH13	Công nghệ thông tin	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
134	DH52201111	Trần Bội Ngọc	D22_TH13	Công nghệ thông tin	0.5
135	DH52201766	Trần Quang Vinh	D22_TH13	Công nghệ thông tin	0.5
136	DH52200599	Lương Thị Mỹ Giang	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
137	DH52200623	Nguyễn Gia Hân	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
138	DH52200656	Thái Văn Hậu	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
139	DH52200715	Nguyễn Minh Hoàng	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
140	DH52200905	Lê Nguyễn Đăng Khoa	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
141	DH52201116	Lê Công Nguyên	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
142	DH52201226	Đặng Hải Hoàng Phúc	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
143	DH52201235	Lê Hoàng Phúc	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
144	DH52201287	Nguyễn Anh Quân	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
145	DH52201395	Trần Phát Tài	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
146	DH52201591	Phạm Đức Toàn	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
147	DH52201615	Dương Đăng Minh Trí	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
148	DH52201621	Lê Quốc Trí	D22_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
149	DH52200645	Phạm Minh Hào	D22_TH15	Công nghệ thông tin	0.5
150	DH52200814	Lê Thị Diệu Huyền	D22_TH15	Công nghệ thông tin	0.5
151	DH52200887	Trần Quốc Khánh	D22_TH15	Công nghệ thông tin	0.5
152	DH52201158	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	D22_TH15	Công nghệ thông tin	0.5
153	DH52201242	Nguyễn Hoàng Phúc	D22_TH15	Công nghệ thông tin	0.5
154	DH52300721	Trần Thanh Huy	D23_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
155	DH52301329	Phan Thái Nguyên	D23_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
156	DH52301362	Nguyễn Trí Nhân	D23_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
157	DH52302390	Nguyễn Văn Pháp	D23_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
158	DH52301652	Nguyễn Thị Mỹ Quỳnh	D23_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
159	DH52300024	Bùi Quốc Anh	D23_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
160	DH52300421	Nguyễn Tấn Đạt	D23_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
161	DH52300309	Võ Lý Tường Duy	D23_TH02	Công nghệ thông tin	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
162	DH52300717	Trần Ngọc Huy	D23_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
163	DH52300911	Nguyễn Minh Khôi	D23_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
164	DH52300990	Bùi Văn Nhật Lâm	D23_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
165	DH52301696	Phạm Thành Sang	D23_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
166	DH52301831	Huỳnh Minh Thức	D23_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
167	DH52301833	Nguyễn Gia Thức	D23_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
168	DH52300101	Dương Hoàng Ân	D23_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
169	DH52300587	Nguyễn Văn Hóa	D23_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
170	DH52300913	Nguyễn Trương Dương Khôi	D23_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
171	DH52301119	Hồ Thị Xuân Mai	D23_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
172	DH52301122	Nguyễn Lê Khánh Mai	D23_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
173	DH52301422	Trần Quang Nhật	D23_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
174	DH52301901	Trần Ngọc Thu Thảo	D23_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
175	DH52301845	Lý Minh Thiện	D23_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
176	DH52302344	Lê Triệu Thảo Vy	D23_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
177	DH52300596	Huỳnh Lâm Hoàng	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
178	DH52300664	Huỳnh Lâm Huy	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
179	DH52300671	Lê Phước Huy	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
180	DH52300679	Lý Đức Huy	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
181	DH52301049	Phan Văn Hoài Linh	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
182	DH52301110	Nguyễn Thị Khánh Ly	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
183	DH52301331	Phạm Nguyễn Trung Nguyên	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
184	DH52301344	Nguyễn Lê Thanh Nguyệt	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
185	DH52301588	Nguyễn Ngọc Mai Phương	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
186	DH52301788	Tô Thành Thái	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
187	DH52301910	Lại Minh Thông	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
188	DH52302120	Mai Thanh Trọng	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
189	DH52302172	Nguyễn Nhựt Trường	D23_TH04	Công nghệ thông tin	0.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
190	DH52300059	Nguyễn Quốc	Anh	D23_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
191	DH52300222	Phương Thanh	Cường	D23_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
192	DH52300409	Nguyễn Phát	Đạt	D23_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
193	DH52300621	Phạm Minh	Hậu	D23_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
194	DH52300548	Lê Thanh	Hiếu	D23_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
195	DH52301010	Trương Phúc	Lộc	D23_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
196	DH52301105	Nguyễn Ngọc	Lương	D23_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
197	DH52301182	Nguyễn Thị Trà	My	D23_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
198	DH52301977	Nguyễn Phúc	Tiên	D23_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
199	DH52302072	Lương Thị Huyền	Trân	D23_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
200	DH52300025	Bùi Thế	Anh	D23_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
201	DH52300401	Ngô Thành	Đạt	D23_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
202	DH52300430	Phạm Đức	Đạt	D23_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
203	DH52300787	Lê Võ Nhật	Khang	D23_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
204	DH52300839	Nguyễn Quốc	Khánh	D23_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
205	DH52300861	Phạm Duy	Khiêm	D23_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
206	DH52300896	Trương Hoàng Đăng	Khoa	D23_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
207	DH52301149	Nguyễn Tuấn	Minh	D23_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
208	DH52301192	Lê Đức Trung	Nam	D23_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
209	DH52301404	Trần Thị Yến	Nhi	D23_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
210	DH52301851	Phan Hoàng	Thiện	D23_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
211	DH52301411	Huỳnh Thanh	Nhát	D23_TH07	Công nghệ thông tin	0.5
212	DH52302037	Huỳnh Thanh	Trà	D23_TH07	Công nghệ thông tin	0.5
213	DH52302154	Trần Quang	Trung	D23_TH07	Công nghệ thông tin	0.5
214	DH52302181	Vũ Phạm Minh	Trường	D23_TH07	Công nghệ thông tin	0.5
215	DH52302229	Trần Mạnh	Tuấn	D23_TH07	Công nghệ thông tin	0.5
216	DH52300356	Nguyễn Anh	Đức	D23_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
217	DH52300451	Huỳnh Huệ Minh	Giàu	D23_TH08	Công nghệ thông tin	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
218	DH52300485	Trần Quốc Hào	D23_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
219	DH52300586	Võ Nguyễn Huy Hòa	D23_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
220	DH52300818	Vương Quý Khang	D23_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
221	DH52301347	Nguyễn Trần ánh Nguyệt	D23_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
222	DH52301364	Nguyễn Trần Thành Nhân	D23_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
223	DH52301976	Lương Chí Tiên	D23_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
224	DH52301999	Phạm Ngọc Tiến	D23_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
225	DH52300006	Hà Trung An	D23_TH09	Công nghệ thông tin	0.5
226	DH52300164	Phạm Gia Bảo	D23_TH09	Công nghệ thông tin	0.5
227	DH52300219	Nguyễn Huy Cường	D23_TH09	Công nghệ thông tin	0.5
228	DH52300869	Hồ Đăng Khoa	D23_TH09	Công nghệ thông tin	0.5
229	DH52300999	Dương Tấn Lộc	D23_TH09	Công nghệ thông tin	0.5
230	DH52301190	Đặng Phương Nam	D23_TH09	Công nghệ thông tin	0.5
231	DH52301555	Nguyễn Trọng Phúc	D23_TH09	Công nghệ thông tin	0.5
232	DH52302430	Nguyễn Hữu Bảo	D23_TH10	Công nghệ thông tin	0.5
233	DH52302579	Nguyễn Quang Chí	D23_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
234	DH52300773	Nguyễn Tuấn Kha	D23_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
235	DH52302513	Huỳnh Nhật Khang	D23_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
236	DH52300979	Đoàn Nhật Lam	D23_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
237	DH52301206	Nguyễn Phương Nam	D23_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
238	DH52301317	Nguyễn Hoàng Nhựt Nguyên	D23_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
239	DH52301513	Nguyễn Mạnh Phong	D23_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
240	DH52301661	Phan Văn Quy	D23_TH11	Công nghệ thông tin	0.5
241	DH52302155	Trương Đặng Minh Trung	D23_TH12	Công nghệ thông tin	0.5
242	DH52300694	Nguyễn Ngọc Huy	D23_TH13	Công nghệ thông tin	0.5
243	DH52300780	Đoàn Lê Vĩ Khang	D23_TH13	Công nghệ thông tin	0.5
244	DH52300879	Nguyễn Đăng Khoa	D23_TH13	Công nghệ thông tin	0.5
245	DH52301032	Lê Phan Nhật Linh	D23_TH13	Công nghệ thông tin	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
246	DH52302761	Nguyễn Phát Đạt	D23_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
247	DH52303061	Lê Anh Quân	D23_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
248	DH52302653	Vũ Việt Tiến	D23_TH14	Công nghệ thông tin	0.5
249	DH52400380	Nguyễn Mạnh Cường	D24_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
250	DH52400472	Lê Thị Thảo Hiền	D24_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
251	DH52400714	Danh Hữu Phúc	D24_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
252	DH52400869	Cao Trần Hải Triều	D24_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
253	DH52400433	Nguyễn Minh Dũng	D24_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
254	DH52400522	Huỳnh Bảo Quốc Huy	D24_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
255	DH52400780	Đỗ Anh Tài	D24_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
256	DH52400810	Thái Tuấn Thành	D24_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
257	DH52400889	Bùi Minh Tuấn	D24_TH03	Công nghệ thông tin	0.5
258	DH52400543	Thái Dương Khánh Huyền	D24_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
259	DH52400691	Trương Minh Nhựt	D24_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
260	DH52400696	Phạm Tiến Phát	D24_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
261	DH52400723	Nguyễn Thanh Phúc	D24_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
262	DH52400770	Huỳnh Bảo Sang	D24_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
263	DH52400801	Nguyễn Quốc Thắng	D24_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
264	DH52400834	Nguyễn Huỳnh Minh Thông	D24_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
265	DH52400868	Nguyễn Hồng Triết	D24_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
266	DH52400871	Phạm Quốc Triệu	D24_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
267	DH52400332	Nguyễn Ngọc Thanh An	D24_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
268	DH52400372	Nguyễn Thị Linh Chi	D24_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
269	DH52400437	Trần Tiến Dũng	D24_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
270	DH52400535	Trần Đỗ Anh Huy	D24_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
271	DH52400591	Nguyễn Trung Kiên	D24_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
272	DH52400769	Phan Thị Bảo Quỳnh	D24_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
273	DH52400771	Huỳnh Minh Sang	D24_TH05	Công nghệ thông tin	0.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
274	DH52400931	Đoàn Thị Kiều	Vy	D24_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
275	DH52400431	Lê Tiên	Dũng	D24_TH06	Công nghệ thông tin	0.5
276	DH52400394	Nguyễn Thành	Danh	D24_TH07	Công nghệ thông tin	0.5
277	DH52400424	Nguyễn Minh	Đức	D24_TH07	Công nghệ thông tin	0.5
278	DH52400799	Nguyễn Hồ Bá	Thắng	D24_TH07	Công nghệ thông tin	0.5
279	DH52400832	Tô Thanh	Thơ	D24_TH07	Công nghệ thông tin	0.5
280	DH52400920	Đỗ Quang	Vinh	D24_TH07	Công nghệ thông tin	0.5
281	DH52401757	Nguyễn Hoàng Vĩnh	Nguyên	D24_TH08	Công nghệ thông tin	0.5
282	DH05250328	Nguyễn Hoàng	Hải	D25_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
283	DH05250568	Trần Duy	Khang	D25_TH01	Công nghệ thông tin	0.5
284	DH05251554	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	D25_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
285	DH05251621	Nguyễn Quốc	Vinh	D25_TH02	Công nghệ thông tin	0.5
286	DH05250504	Vương Chánh	Huy	D25_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
287	DH05250580	Lê Vĩ	Khang	D25_TH04	Công nghệ thông tin	0.5
288	DH05252920	Nguyễn Hữu	Luân	D25_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
289	DH05251525	Nguyễn Minh	Tú	D25_TH05	Công nghệ thông tin	0.5
290	DH62201877	Nguyễn Thị Vy	Thảo	D22_CNTP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
291	DH62300833	Nguyễn Gia	Khánh	D23_CNTP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
292	DH62301203	Nguyễn Khoa	Nam	D23_CNTP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
293	DH62301904	Võ Ngọc Thanh	Thảo	D23_CNTP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
294	DH62302069	Đỗ Nguyễn Huyền	Trân	D23_CNTP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
295	DH62401149	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	D24_TP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
296	DH12251379	Đào Vĩnh	Thụy	D25_DBATTP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
297	DH06250111	Nguyễn Ngọc	Bích	D25_TP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
298	DH06250311	Nguyễn Thị Kiều	Giang	D25_TP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
299	DH06250340	Nguyễn Ngọc Thảo	Hân	D25_TP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
300	DH06251225	Nguyễn Võ Tuấn	Thắng	D25_TP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
301	DH06251233	Lê Quốc	Thắng	D25_TP01	Công nghệ thực phẩm	0.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
302	DH06251237	Ông Triền	Thắng	D25_TP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
303	DH06251345	Nguyễn Thị Anh	Thư	D25_TP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
304	DH06252786	Lưu Kỳ Minh	Tú	D25_TP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
305	DH06251659	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	D25_TP01	Công nghệ thực phẩm	0.5
306	DH92202818	Phạm Hồng Phương	Thanh	D22_TK3DH1	Design	0.5
307	DH92202620	Nguyễn Thị Thúy	An	D22_TK3DH3	Design	0.5
308	DH92202642	Bùi Hải	Đặng	D22_TK3DH3	Design	0.5
309	DH92202651	Lê Khả	Di	D22_TK3DH3	Design	0.5
310	DH92202654	Nguyễn Phương	Dung	D22_TK3DH3	Design	0.5
311	DH92202819	Chung Vĩ	Thành	D22_TK3DH3	Design	0.5
312	DH92202891	Nguyễn Yến	Vy	D22_TK3DH4	Design	0.5
313	DH92202751	Nguyễn Cao Nhật	Nguyệt	D22_TK4NT	Design	0.5
314	DH92202773	Nguyễn Tấn	Nhật	D22_TK4NT	Design	0.5
315	DH92203777	Huỳnh Thị Thùy	Trang	D22_TK4NT	Design	0.5
316	DH92300065	Nguyễn Trần Phương	Anh	D23_TK3DH2	Design	0.5
317	DH92301053	Trần Khánh	Linh	D23_TK3DH2	Design	0.5
318	DH92301576	Nguyễn Thị Bích	Phượng	D23_TK3DH2	Design	0.5
319	DH92301804	Hứa Công	Thành	D23_TK3DH2	Design	0.5
320	DH92301982	Hoàng Ngọc	Tiến	D23_TK3DH2	Design	0.5
321	DH92302355	Quách Khả	Vy	D23_TK3DH2	Design	0.5
322	DH92301112	Võ Thị Yến	Ly	D23_TK3DH3	Design	0.5
323	DH92400034	Đào Thị Mỹ	Huyền	D24_TK3DH	Design	0.5
324	DH92301180	Nguyễn Thị Cẩm	My	D24_TK3DH	Design	0.5
325	DH92400054	Trương Khánh	Ngân	D24_TK3DH	Design	0.5
326	DH92400062	Nguyễn Yến	Nhi	D24_TK3DH	Design	0.5
327	DH92400124	Lê Tường	Vy	D24_TK3DH	Design	0.5
328	DH09251349	Lê Ngọc Anh	Thư	D25_TK01	Design	0.5
329	DH09251437	Bùi Nguyễn Bảo	Trâm	D25_TK01	Design	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
330	DH09250342	Dương Hoàng Gia Hân	D25_TK02	Design	0.5
331	DH09252312	Trần Thị Cẩm Hằng	D25_TK02	Design	0.5
332	DH09250461	Nguyễn Đức Hưng	D25_TK02	Design	0.5
333	DH09250829	Bùi Ngọc Thúy Nga	D25_TK02	Design	0.5
334	DH09251669	Nguyễn Ngọc Vy	D25_TK02	Design	0.5
335	DH04250660	Phạm Tuấn Kiệt	D25_VT01	Design	0.5
336	DH04250695	Trương Dương Gia Linh	D25_VT01	Design	0.5
337	DH04251417	Nguyễn Lý Thanh Toàn	D25_VT01	Design	0.5
338	DH32006413	Hoàng Đức Thắng	D20_DDT02	Điện - Điện tử	0.5
339	DH32113170	Mai Quốc Triệu	D21_TDH01	Điện - Điện tử	0.5
340	DH42200257	Nguyễn Đức Duy	D22_MMT01	Điện - Điện tử	0.5
341	DH42200264	Vũ Phi Hùng	D22_MMT01	Điện - Điện tử	0.5
342	DH42203904	Ngô Hoàng Sơn	D22_MMT01	Điện - Điện tử	0.5
343	DH32200125	Nguyễn Hoàng Ân	D22_TDH01	Điện - Điện tử	0.5
344	DH32200132	Dương Quang Công	D22_TDH01	Điện - Điện tử	0.5
345	DH32200133	Lê Trí Công	D22_TDH01	Điện - Điện tử	0.5
346	DH32200147	Nguyễn Ngọc Tuấn Hải	D22_TDH01	Điện - Điện tử	0.5
347	DH32200150	Nguyễn Anh Hào	D22_TDH01	Điện - Điện tử	0.5
348	DH32200192	Lê Minh Nghị	D22_TDH01	Điện - Điện tử	0.5
349	DH32200234	Lưu Hoàng Tú	D22_TDH01	Điện - Điện tử	0.5
350	DH32200236	Nguyễn Minh Tự	D22_TDH01	Điện - Điện tử	0.5
351	DH32301420	Trần Hoàng Nhật	D23_DCN01	Điện - Điện tử	0.5
352	DH32301570	Nguyễn Hữu Phước	D23_DCN01	Điện - Điện tử	0.5
353	DH32301615	Huỳnh Đăng Quân	D23_DCN01	Điện - Điện tử	0.5
354	DH32301638	Nguyễn Hữu Quốc	D23_DCN01	Điện - Điện tử	0.5
355	DH32302152	Nguyễn Văn Trung	D23_DCN01	Điện - Điện tử	0.5
356	DH32302178	Trần Võ Nhật Trường	D23_DCN01	Điện - Điện tử	0.5
357	DH32300021	Trần Bình An	D23_TDH01	Điện - Điện tử	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
358	DH32300799	Nguyễn Thế Khang	D23_TDH01	Điện - Điện tử	0.5
359	DH32301491	Trần Tấn Phát	D23_TDH01	Điện - Điện tử	0.5
360	DH32302222	Nguyễn Quốc Tuấn	D23_TDH01	Điện - Điện tử	0.5
361	DH42300386	Đoàn Tiến Đạt	D23_VT01	Điện - Điện tử	0.5
362	DH42302596	Trần Hùng Đạt	D23_VT01	Điện - Điện tử	0.5
363	DH42302412	Trịnh Danh Long	D23_VT01	Điện - Điện tử	0.5
364	DH42301265	Nguyễn Đình Ngọc	D23_VT01	Điện - Điện tử	0.5
365	DH42301493	Vũ Đình Phát	D23_VT01	Điện - Điện tử	0.5
366	DH42301753	Hoàng Vũ Minh Tâm	D23_VT01	Điện - Điện tử	0.5
367	DH42301799	Bùi Xuân Thành	D23_VT01	Điện - Điện tử	0.5
368	DH42301968	Trần Hoài Thương	D23_VT01	Điện - Điện tử	0.5
369	DH42302165	Hoàng Văn Trường	D23_VT01	Điện - Điện tử	0.5
370	DH03250619	Nguyễn Đăng Khôi	D25_DDT01	Điện - Điện tử	0.5
371	DH03250659	Nguyễn Anh Kiệt	D25_DDT01	Điện - Điện tử	0.5
372	DH03251429	Nguyễn Minh Toàn	D25_DDT01	Điện - Điện tử	0.5
373	DH03251628	Nguyễn Lê Hoàng Vũ	D25_DDT01	Điện - Điện tử	0.5
374	DH03251955	Lê Đình An	D25_DDT02	Điện - Điện tử	0.5
375	DH03250198	Trang Ngọc Minh Đạt	D25_DDT02	Điện - Điện tử	0.5
376	DH03250397	Nguyễn Đức Anh Hiếu	D25_DDT02	Điện - Điện tử	0.5
377	DH03250488	Đình Gia Huy	D25_DDT02	Điện - Điện tử	0.5
378	DH03251057	Hoàng Đình Phúc	D25_DDT02	Điện - Điện tử	0.5
379	DH03251245	Khổng Văn Thành	D25_DDT02	Điện - Điện tử	0.5
380	DH03251306	Nguyễn Quốc Trường Thịnh	D25_DDT02	Điện - Điện tử	0.5
381	DH11250106	Ngụy Gia Bảo	D25_KTMT01	Điện - Điện tử	0.5
382	DH11250127	La Bảo Châu	D25_KTMT01	Điện - Điện tử	0.5
383	DH11250169	Tăng Hải Đăng	D25_KTMT01	Điện - Điện tử	0.5
384	DH11250415	Phan Ngọc Hoài	D25_KTMT01	Điện - Điện tử	0.5
385	DH11250599	Dương Huệ Khiêm	D25_KTMT01	Điện - Điện tử	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
386	DH11251107	Phạm Minh Quân	D25_KTMT01	Điện - Điện tử	0.5
387	DH71900155	Nguyễn Hải Hà	D19_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
388	DH72109811	Huỳnh Huy Hoàng	D21_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
389	DH72108271	Nguyễn Thành Phát	D21_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
390	DH72100491	Phùng Cảnh Tín	D21_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
391	DH72101148	Nguyễn Huỳnh Tuấn	D21_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
392	DH72109726	Võ Trường Giang	D21_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
393	DH72109069	Nguyễn Ngọc Thảo My	D21_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
394	DH72107606	Đoàn Thị Minh Nga	D21_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
395	DH72108716	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	D21_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
396	DH72109073	Nguyễn Thị Thanh Thúy	D21_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
397	DH72109585	Đặng Trường An	D21_MAR05	Kinh tế - Quản trị	0.5
398	DH72106776	Lê Dương Ngọc Dung	D21_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
399	DH72107492	Lê Thị Huỳnh Thắm	D21_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
400	DH72201921	Phí Thị Ngọc Anh	D22_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
401	DH72201961	Nguyễn Thanh Danh	D22_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
402	DH72202005	Nguyễn Thị Thu Duyên	D22_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
403	DH72202007	Trần Thị Mỹ Duyên	D22_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
404	DH72202132	Trương Tuấn Kiệt	D22_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
405	DH72202148	Nguyễn Thị Khánh Linh	D22_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
406	DH72202187	Nguyễn Thảo My	D22_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
407	DH72202195	Lê Võ Hoàng Nam	D22_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
408	DH72202280	Nguyễn Lâm Thuận Phát	D22_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
409	DH72202360	Phạm Thị Thanh Thảo	D22_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
410	DH72202394	Trần Ngọc Hoài Thương	D22_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
411	DH72201952	Huỳnh Hoa Chuộng	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
412	DH72202025	Nguyễn Lê Ngọc Hân	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
413	DH72202037	Nguyễn Chí Hào	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
414	DH72202090	Nguyễn Gia Huy	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
415	DH72202165	Nguyễn Tấn Lực	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
416	DH72202179	Đàm Thị Bích Mị	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
417	DH72202199	Trần Thị Kiều Nga	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
418	DH72202225	Ngô Thị Bé Ngọc	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
419	DH72202245	Đỗ Thị Yên Nhi	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
420	DH72202252	Nguyễn Thị Yên Nhi	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
421	DH72202261	Võ Thị Yên Nhi	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
422	DH72202322	Nguyễn Ngọc Tài	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
423	DH72202349	Đặng Thụy Phương Thảo	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
424	DH72202376	Nguyễn Thị Kim Thoa	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
425	DH72202409	Nguyễn Thanh Toàn	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
426	DH72202439	Trần Võ Đoan Trang	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
427	DH72202467	Trần Thị Thanh Trúc	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
428	DH72202523	Phạm Thị Tường Vy	D22_KD02	Kinh tế - Quản trị	0.5
429	DH72200900	Dương Đăng Khoa	D22_MAR01	Kinh tế - Quản trị	0.5
430	DH72202221	Trần Gia Nghi	D22_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
431	DH72202266	Nguyễn Thanh Như	D22_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
432	DH72202275	Nguyễn Hoàng Oanh	D22_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
433	DH72202374	Nguyễn Kim Thơ	D22_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
434	DH72202384	Nguyễn Hoàng Anh Thư	D22_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
435	DH72202448	Nguyễn Thị Diễm Trinh	D22_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
436	DH72202450	Nguyễn Thị Tú Trinh	D22_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
437	DH72202458	Du Mỹ Trúc	D22_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
438	DH72202515	Lê Nguyễn Đông Vy	D22_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
439	DH72201937	Hồ Mộng Cẩm	D22_MAR03	Kinh tế - Quản trị	0.5
440	DH72201997	Cao Mỹ Duyên	D22_MAR03	Kinh tế - Quản trị	0.5
441	DH72202168	Nguyễn Thị Yên Ly	D22_MAR03	Kinh tế - Quản trị	0.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
442	DH72202274	Nguyễn Thị Kim	Ni	D22_MAR03	Kinh tế - Quản trị	0.5
443	DH72202299	Trần Thị Thanh	Phuong	D22_MAR03	Kinh tế - Quản trị	0.5
444	DH72202978	Đặng Ngọc Trí	Bảo	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
445	DH72203705	Nguyễn Khánh	Duy	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
446	DH72203693	Nguyễn Đức	Hung	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
447	DH72203736	Võ Nhật	Huy	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
448	DH72202111	Đoàn Thị Phương	Khanh	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
449	DH72202124	Nguyễn Tiến	Khôi	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
450	DH72202149	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
451	DH72202936	Đoàn Vũ	Luân	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
452	DH72202198	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Nga	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
453	DH72203799	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
454	DH72203732	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
455	DH72202380	Lê Anh	Thư	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
456	DH72202970	Huỳnh Huyền	Trân	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
457	DH72202444	Nguyễn Việt	Triều	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
458	DH72202542	Tô Ngọc Hoàng	Yến	D22_MAR04	Kinh tế - Quản trị	0.5
459	DH72202058	Trần Minh	Hiếu	D22_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
460	DH72202109	Phạm Duy	Khang	D22_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
461	DH72202141	Nguyễn Kim	Lên	D22_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
462	DH72202160	Trịnh Đình	Lộc	D22_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
463	DH72202202	Hoàng Thanh	Ngân	D22_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
464	DH72202330	Vương Nhật	Tâm	D22_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
465	DH72202400	Phan Thị Cẩm	Thúy	D22_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
466	DH72202533	Hồ Ngọc	Yến	D22_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
467	DH72202042	Lê Phúc	Hậu	D22_TC02	Kinh tế - Quản trị	0.5
468	DH72203685	Tạ Minh	Hùng	D22_TC02	Kinh tế - Quản trị	0.5
469	DH72202387	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D22_TC02	Kinh tế - Quản trị	0.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
470	DH72202396	Võ Dương Hoài	Thương	D22_TC02	Kinh tế - Quản trị	0.5
471	DH72301283	Lại Yên	Nghi	D23_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
472	DH72301438	Trần Thị Mỹ	Nhung	D23_KD01	Kinh tế - Quản trị	0.5
473	DH72200658	Nguyễn Thanh	Hiên	D23_MAR01	Kinh tế - Quản trị	0.5
474	DH72300732	Trần Thu	Huyền	D23_MAR01	Kinh tế - Quản trị	0.5
475	DH72301029	Huỳnh Ngọc Thùy	Linh	D23_MAR01	Kinh tế - Quản trị	0.5
476	DH72301392	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	D23_MAR01	Kinh tế - Quản trị	0.5
477	DH72301467	Hồ Đoàn Thành	Phát	D23_MAR01	Kinh tế - Quản trị	0.5
478	DH72301488	Trần Thuận	Phát	D23_MAR01	Kinh tế - Quản trị	0.5
479	DH72300251	Hồ Nhật	Dũng	D23_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
480	DH72301286	Bùi Tuấn	Nghĩa	D23_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
481	DH72301348	Hồ Thị Thanh	Nhàn	D23_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
482	DH72301387	Lư ái	Nhi	D23_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
483	DH72301390	Nguyễn Lê Hải	Nhi	D23_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
484	DH72303092	Nguyễn Hoàng	Quân	D23_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
485	DH72301966	Bùi Thị Lệ	Thương	D23_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
486	DH72302397	Nguyễn Thị Như	ý	D23_MAR02	Kinh tế - Quản trị	0.5
487	DH72300003	Dương Thị Xuân	An	D23_SCM01	Kinh tế - Quản trị	0.5
488	DH72300504	Trần Lê Phương Ngọc Bảo	Hân	D23_SCM01	Kinh tế - Quản trị	0.5
489	DH72301366	Nguyễn Trung	Nhân	D23_SCM01	Kinh tế - Quản trị	0.5
490	DH72301956	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D23_SCM01	Kinh tế - Quản trị	0.5
491	DH72301969	Huỳnh Ka	Thy	D23_SCM01	Kinh tế - Quản trị	0.5
492	DH72300162	Phan Minh	Bảo	D23_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
493	DH72302383	Lê Thị Thanh	Dung	D23_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
494	DH72300609	Phạm Minh	Hoàng	D23_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
495	DH72300648	Võ Nguyễn Trúc	Huỳnh	D23_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
496	DH72300844	Trịnh Quốc	Khánh	D23_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
497	DH72301232	Đỗ Thị Thanh	Ngân	D23_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
498	DH72301304	Đỗ Ngọc Thảo	Nguyên	D23_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
499	DH72301580	Bùi Trần Mai	Phương	D23_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
500	DH72301575	Ngô Thị Ngọc	Phượng	D23_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
501	DH72301628	Sần Minh	Quân	D23_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
502	DH72302263	Nguyễn Hoàng	Uyên	D23_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
503	DH72302346	Ngô Thị Thúy	Vy	D23_TC01	Kinh tế - Quản trị	0.5
504	DH72400140	Lê Nguyễn Thành	Công	D24_QT01	Kinh tế - Quản trị	0.5
505	DH72400151	Lê Ngọc	Dung	D24_QT01	Kinh tế - Quản trị	0.5
506	DH72400263	Hồ Thị Thanh	Tâm	D24_QT01	Kinh tế - Quản trị	0.5
507	DH72400323	Nguyễn Lê Hoàng	Yến	D24_QT01	Kinh tế - Quản trị	0.5
508	DH72400291	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	D24_QT02	Kinh tế - Quản trị	0.5
509	DH72402072	Lê Xuân	Như	D24_QT03	Kinh tế - Quản trị	0.5
510	DH17251584	Nguyễn Ngọc Tường	Vân	D25_DLSK01	Kinh tế - Quản trị	0.5
511	DH17250188	Tạ Đặng Tiến	Đạt	D25_DLSK01	Kinh tế - Quản trị	0.5
512	DH17250269	Phan Thị ánh	Dương	D25_DLSK01	Kinh tế - Quản trị	0.5
513	DH17250343	Đặng Nhã	Hân	D25_DLSK01	Kinh tế - Quản trị	0.5
514	DH17250524	Lê Hoàng	Huy	D25_DLSK01	Kinh tế - Quản trị	0.5
515	DH17250630	Huỳnh Đăng	Khôi	D25_DLSK01	Kinh tế - Quản trị	0.5
516	DH17251066	Hứa Lê Minh	Phúc	D25_DLSK01	Kinh tế - Quản trị	0.5
517	DH14250668	Hồ Thoại Thiên	Kim	D25_KDQT01	Kinh tế - Quản trị	0.5
518	DH14252607	Trần Thị Tâm	Như	D25_KDQT01	Kinh tế - Quản trị	0.5
519	DH16250869	Đào Bửu	Ngọc	D25_LSCM01	Kinh tế - Quản trị	0.5
520	DH16251267	Nguyễn Phương	Thảo	D25_LSCM01	Kinh tế - Quản trị	0.5
521	DH22251796	Phan Thị Ngọc	Giàu	D25_LUATKT01	Kinh tế - Quản trị	0.5
522	DH22250433	Nguyễn Ngọc	Huệ	D25_LUATKT01	Kinh tế - Quản trị	0.5
523	DH22252189	Đặng Gia	Hung	D25_LUATKT01	Kinh tế - Quản trị	0.5
524	DH22250844	Nguyễn Thị Yến	Ngân	D25_LUATKT01	Kinh tế - Quản trị	0.5
525	DH13250022	Nguyễn Thị Lan	Anh	D25_MKTG01	Kinh tế - Quản trị	0.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khoa	Số ngày CTXH được tính
526	DH13250882	Nguyễn Huyền Như Ngọc	D25_MKTG01	Kinh tế - Quản trị	0.5
527	DH13252676	Ngô Thị Yên Thu	D25_MKTG01	Kinh tế - Quản trị	0.5
528	DH13250943	Lê Kiều Nhi	D25_MKTG02	Kinh tế - Quản trị	0.5
529	DH13252032	Lê Quốc Tân Tài	D25_MKTG02	Kinh tế - Quản trị	0.5
530	DH13252027	Lê Thị Hồng Thắm	D25_MKTG02	Kinh tế - Quản trị	0.5
531	DH07250216	Nguyễn Thành Đạt	D25_QT02	Kinh tế - Quản trị	0.5
532	DH15250245	Ngô Minh Dũng	D25_TCNH01	Kinh tế - Quản trị	0.5
533	DH82112676	Bùi Minh Phúc	D21_XD02	Kỹ thuật công trình	0.5
534	DH82202551	Nguyễn Văn Đạt	D22_XD01	Kỹ thuật công trình	0.5
535	DH82202553	Trần Thanh Duy	D22_XD01	Kỹ thuật công trình	0.5
536	DH82202579	Lê Minh	D22_XD01	Kỹ thuật công trình	0.5
537	DH82202555	Lê Trung Hậu	D22_XD02	Kỹ thuật công trình	0.5
538	DH82303090	Phạm Ngọc Tú	D23_XD01	Kỹ thuật công trình	0.5
539	DH82112642	Hồ Năng Huy	D24_XD01	Kỹ thuật công trình	0.5
540	DH82401994	Nguyễn Minh Quốc	D24_XD01	Kỹ thuật công trình	0.5
541	DH82401196	Võ Phạm Trung Tiến	D24_XD01	Kỹ thuật công trình	0.5
542	DH82400856	Nguyễn Thái Toàn	D24_XD01	Kỹ thuật công trình	0.5
543	DH19251649	Nguyễn Đăng Tường Vy	D25_QLXD01	Kỹ thuật công trình	0.5